

TIẾP CẬN TÀI CHÍNH XANH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Nguyễn Thị Minh Huệ

Viện Ngân hàng Tài chính, trường Đại học Kinh tế quốc dân

Email: minhhuektqd@gmail.com

Trần Thị Thanh Tú

Khoa Tài chính - Ngân hàng, trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

Email: tuttt@ynu.edu.vn

Tăng Thị Phúc

Khoa Tài chính Ngân hàng, Trường Cao đẳng Kinh tế Kế hoạch Đà Nẵng

Email: tangphuc2010@gmail.com

Ngày nhận: 11/7/2016

Ngày nhận bản sửa: 29/12/2016

Ngày duyệt đăng: 25/2/2017

Tóm tắt:

Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra khảo sát đối với các doanh nghiệp Việt Nam nhằm đánh giá thực trạng hoạt động tài chính xanh của doanh nghiệp Việt Nam trên hai giác độ: khả năng tiếp cận vốn tín dụng xanh của doanh nghiệp và sự sẵn sàng của doanh nghiệp trong hoạt động đầu tư xanh. Kết quả khảo sát cho thấy: (i) hầu hết các doanh nghiệp được hỏi đều đánh giá tác động tích cực của đầu tư xanh đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, (ii) các doanh nghiệp Việt Nam sẵn sàng thực hiện đầu tư vào các dự án xanh, tác động tích cực đến môi trường; (iii) khó khăn khi tiếp cận vốn tín dụng xanh là thông tin về dự án hỗ trợ vay vốn và yếu tố kỹ thuật thẩm định về môi trường.

Từ khóa: Tài chính xanh, ngân hàng xanh, tín dụng xanh, đầu tư xanh, tăng trưởng xanh

Accessing green finance of Vietnamese firms

Abstract:

This paper investigates the green finance activities of Vietnamese firms in two aspects: the capability of the firms in accessing green credits and the commitment to green investment. The investigation results show that: (i) most of the firms agree on the positive impacts of green investment on firm performance, (ii) Vietnamese firms expose their interests in green projects which have positive effects to environment; (iii) difficulties in accessing green credits are information about the priority of green credit proposals and technical assessment on environment.

Keywords: Green finance; green bank; green credit; green investment; green growth.

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, tăng trưởng xanh đang trở thành nền tảng phát triển tất yếu của mọi quốc gia trên thế giới khi sự phát triển của nền kinh tế và của khoa học công nghệ đang tạo ra những biến đổi tiêu cực lên môi trường sinh thái và chất lượng cuộc sống của con người. Chiến lược tăng trưởng xanh đã được nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam, phê chuẩn

và triển khai thực hiện, trong đó hai hướng: ngân hàng xanh và tài chính xanh của doanh nghiệp sẽ có tác động trực tiếp đến sự cải thiện chất lượng tăng trưởng kinh tế.

Việt Nam là một quốc gia đang phát triển, cơ sở hạ tầng và trình độ công nghệ còn hạn chế. Các hoạt động tài chính xanh đối với doanh nghiệp Việt Nam vẫn là những khái niệm khá mới. Chưa có một

nghiên cứu tổng thể đánh giá về kiến thức và nhu cầu của doanh nghiệp Việt Nam đối với các hoạt động tài chính xanh, cụ thể là đối với hoạt động đầu tư xanh và vốn tín dụng xanh. Chính vì vậy, một nghiên cứu triển khai trên cơ sở điều tra khảo sát trực tiếp đối với doanh nghiệp Việt Nam là cần thiết và có thể bước đầu thu thập được các kết quả cần thiết cho việc đánh giá thực trạng hoạt động tài chính xanh hiện tại của các doanh nghiệp Việt Nam.

Mục tiêu của bài viết nhằm tổng quan các nghiên cứu tăng trưởng xanh và tài chính xanh, các kinh nghiệm quốc tế về triển khai ngân hàng xanh với vốn tín dụng xanh và đầu tư xanh. Trên cơ sở đó, các tác giả đã đánh giá thực trạng hoạt động tài chính xanh của doanh nghiệp Việt Nam trên hai giác độ: khả năng tiếp cận vốn tín dụng xanh của doanh nghiệp và sự sẵn sàng của doanh nghiệp trong hoạt động đầu tư xanh. Từ đó nhóm tác giả đã đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm thúc đẩy phát triển hoạt động tài chính xanh tại các doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

2.1. Các cách tiếp cận về tài chính xanh

Mặc dù chưa có một khái niệm chính thống mang tính học thuật về tài chính xanh, các nghiên cứu về tài chính xanh không đặt vấn đề xây dựng một khái niệm chính xác nhưng nhìn chung tài chính xanh có thể được hiểu là một tập hợp đầy đủ các hình thức tài trợ cho công nghệ, dự án, ngành công nghiệp hay doanh nghiệp thân thiện với môi trường. Trong một số nghiên cứu của các học giả về tài chính xanh (Höhne & cộng sự, 2012), “Tài chính xanh” là một khái niệm rộng có thể coi là hoạt động đầu tư tài chính vào các dự án sản xuất sản phẩm thân thiện với môi trường và các chính sách khuyến khích phát triển nền kinh tế một cách bền vững. Theo Zadek & Flynn (2013), “Tài chính xanh” có thể hiểu là đầu tư xanh. Nhưng trên thực tế, tài chính xanh có phạm vi rộng hơn bao gồm cả chi phí hoạt động đầu tư xanh như là chi phí chuẩn bị dự án và các chi phí thu hồi đất. Theo World Bank, tài chính xanh còn là hoạt động thành lập, phân phối và sử dụng các quỹ nhằm mục đích tài trợ cho các hoạt động bảo vệ môi trường, ngăn ngừa biến đổi khí hậu, ngăn ngừa việc phát thải các chất độc ra môi trường, hướng tới tương lai phát triển bền vững, phát triển kinh tế - xã hội mà không phải trả giá bởi môi trường ô nhiễm. Như vậy, có nhiều định nghĩa khác nhau về tài chính xanh. Tuy nhiên, đặc điểm chung trong hoạt động tài chính xanh là luôn chú trọng tới các giá trị của môi trường

thiên nhiên và những nguồn lực tự nhiên, tìm kiếm cách thức cải thiện phúc lợi và công bằng xã hội, đồng thời giảm bớt những rủi ro đối với môi trường và tăng cường sự cân bằng sinh thái.

Trong phạm vi bài nghiên cứu, tài chính xanh hiểu là các hoạt động tài chính nhằm vào việc tìm kiếm nguồn tài trợ và thực hiện các cơ hội kinh doanh hoặc các phương án sản xuất hàng hóa, dịch vụ thân thiện với môi trường của doanh nghiệp, bao gồm hoạt động sử dụng vốn tín dụng xanh và đầu tư xanh.

Một số chỉ tiêu phản ánh hoạt động tài chính xanh của các doanh nghiệp được nghiên cứu làm cơ sở khoa học cho các nghiên cứu khảo sát ban đầu đối với các doanh nghiệp Việt Nam trong mẫu nghiên cứu. Các chỉ tiêu đánh giá có thể là các chỉ tiêu định tính như mức độ minh bạch trong việc công khai các dữ liệu cần thiết về quá trình ra quyết định tài chính của nhà quản trị doanh nghiệp; mức độ tuân thủ môi trường như các chỉ tiêu phân tích chất lượng nước thải, khí thải, chất lượng môi trường không khí xung quanh, tỷ lệ cây xanh tối thiểu, cảnh quang và tình trạng vệ sinh doanh nghiệp, áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn trong sản xuất, tinh thần hợp tác với các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường,...

Ngoài ra, các chỉ tiêu định lượng như lợi nhuận hay các chi phí ban đầu cho hoạt động tài chính xanh như mức trợ cấp, giá carbon, chi phí giao dịch,... cũng là những chỉ tiêu quan trọng phản ánh kết quả của hoạt động tài chính xanh của doanh nghiệp

2.2. Tổng quan về hoạt động đầu tư xanh và sử dụng vốn tín dụng xanh

Các nghiên cứu gần đây cho thấy đầu tư xanh đang trở thành xu thế lựa chọn chủ động của các doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh của mình. Cụ thể như Leonidas & cộng sự (2013) đã thành công trong một công trình nghiên cứu đánh giá 152 khách sạn tại Hy Lạp và phát hiện ra rằng những khách sạn này áp dụng một chính sách cải thiện môi trường và chính sách đó rất có ý nghĩa trong việc tạo ra lợi thế cạnh tranh cho các khách sạn. Hoặc Caniato & cộng sự (2012) đã tiến hành một nghiên cứu về 2 công ty thời trang toàn cầu của Mỹ và 3 công ty thời trang có trụ sở tại Ý và nhận thấy rằng các công ty ngành công nghiệp thời trang đã gắn kết việc đánh giá các chỉ số quan trọng (KPIs) trong hoạt động của công ty với yếu tố môi trường. Từ đó, hoạt động của doanh nghiệp vẫn đảm bảo yếu tố kinh doanh nhưng lại có tác động tốt đến môi trường.

Linan & cộng sự (2012) đã tiến hành khảo sát 207 doanh nghiệp trong đó có 105 doanh nghiệp tại Ireland. Kết quả cho thấy 45,71% các công ty được khảo sát thực hiện định hướng kinh doanh xanh. Nghiên cứu cũng chỉ ra sự tương quan rõ ràng giữa doanh thu hàng năm của công ty và các hoạt động phát triển xanh bên ngoài, phần lớn là những công ty có tiềm lực hoạt động trên một quy mô vượt quá 138 triệu euro về doanh thu hàng năm. Gần đây nhất là nghiên cứu của Fortune & cộng sự (2015) được thực hiện trên 100 doanh nghiệp niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Johannesburg. Nghiên cứu cũng đã chỉ ra mối quan hệ giữa khả năng sinh lời của doanh nghiệp và tỷ lệ đầu tư xanh của doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu đã cho thấy tỷ lệ đầu tư xanh của doanh nghiệp càng cao thì khả năng sinh lời của doanh nghiệp càng được cải thiện. Kết quả nghiên cứu này là một dấu hiệu quan trọng cho các doanh nghiệp có kế hoạch và chiến lược đầu tư xanh.

Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu về mối quan hệ thuận chiều giữa khả năng sinh lời và tỷ lệ đầu tư xanh của doanh nghiệp cần tiếp tục được mở rộng nghiên cứu và kiểm chứng với nhiều nghiên cứu hơn. Các nhà nghiên cứu vẫn nghi ngờ khả năng tác động tích cực của hoạt động đầu tư xanh đến tỷ lệ sinh lời của doanh nghiệp trong ngắn hạn và dài hạn, khi các chi phí để đầu tư cho hoạt động đầu tư xanh thường rất cao và khó thu hồi.

Trong hoạt động đầu tư, vai trò của ngân hàng và việc cung cấp tín dụng là rất quan trọng. Các nguồn vốn tín dụng được sử dụng cho các hoạt động đầu tư xanh, theo đó, được gọi là tín dụng xanh. Qua nghiên cứu các quốc gia như Trung Quốc, Hàn Quốc, Bangladesh... đều cho thấy chính sách tín dụng xanh là một trong những cải cách quan trọng. Theo đó, hệ thống ngân hàng cung cấp các khoản vay với lãi suất, thời hạn khác nhau dựa trên quy mô, loại hình, cơ sở kiểm soát ô nhiễm môi trường của doanh nghiệp. Đồng thời, các dự án bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển năng lượng mới có thể nhận được khoản vay với lãi suất thấp hơn. Trong khi các dự án đi kèm với ô nhiễm chỉ có được các khoản vay hạn chế với lãi suất cao.

Trong một nghiên cứu về công cụ hỗ trợ tăng trưởng xanh, Vũ Xuân Nguyệt Hồng (2014) đã chỉ ra hai thách thức căn bản khi thực hiện tài chính xanh và ngân hàng xanh ở Việt Nam là (1) Nhận thức của xã hội về tài chính và ngân hàng xanh còn rất hạn chế, coi tăng trưởng xanh là cái giá phải trả

cho bảo vệ môi trường chứ không phải là cơ hội để phát triển sản xuất kinh doanh bền vững; (2) Thiếu hệ thống quy định, luật pháp về tài chính và ngân hàng xanh, thiếu cơ chế hỗ trợ phát triển các thể chế tài chính và ngân hàng xanh. Nghiên cứu này cũng chỉ ra các thách thức về sự sẵn sàng cho tài chính và ngân hàng xanh tại Việt Nam như sau: (1) Suất đầu tư cao khi đầu tư vào dự án xanh bởi tính rủi ro cao; (2) Doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, năng lực tài chính hạn chế; (3) Thách thức về chi phí cơ hội liên quan đến trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp cao; (4) Nguồn ngân sách cho tài chính xanh còn hạn chế trong khi nguồn thu ngân sách từ các công cụ kinh tế như thuế xanh dành cho môi trường rất hạn chế; (5) Sản phẩm và dịch vụ tài chính – ngân hàng xanh chưa nhiều, chịu sự cạnh tranh mạnh mẽ với các sản phẩm/dịch vụ tài chính khác; (6) Bản thân các ngân hàng thương mại chưa có đủ năng lực thẩm định để cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tài chính – ngân hàng xanh.

Thời gian qua chính sách tín dụng xanh ở Việt Nam được đẩy mạnh thông qua các kênh cho vay hỗ trợ lãi suất đối với hoạt động dự án bảo vệ môi trường tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo và công nghệ sạch. Các hoạt động tín dụng xanh hướng vào các dự án tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo và công nghệ sạch thông qua Quỹ Ủy thác tín dụng xanh và tín dụng của các ngân hàng thương mại. Trong đó, Quỹ ủy thác tín dụng xanh được thành lập tại Việt Nam từ năm 2007 với mục tiêu giúp các doanh nghiệp tiếp cận các nguồn tài chính khi không đủ khả năng ký quỹ để vay vốn thông qua việc bảo lãnh tín dụng, hỗ trợ một phần vốn đầu tư để doanh nghiệp lắp đặt, vận hành công nghệ sạch hơn và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Quỹ được vận hành với sự tham gia của các ngân hàng thương mại: ACB, VIB, Techcombank, Trung tâm Sản xuất sạch Việt Nam, Trung tâm tham vấn tại Thụy Sĩ và Cục kinh tế Liên bang Thụy Sĩ.

Nhìn chung, chính sách tín dụng xanh ở Việt Nam đã có những đóng góp tích cực trong quá trình thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh. Cụ thể như Ngân hàng Nhà nước (2015) đã có những quy định thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, ngành ngân hàng tập trung vào các vấn đề sau: (i) Chú trọng vấn đề bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, năng lượng; (ii) Thực hiện rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện thể chế tín dụng cho phù hợp với mục tiêu tăng trưởng xanh;

(iii) Tập trung nguồn lực để cấp tín dụng cho các dự án, phương án sản xuất - kinh doanh thân thiện với môi trường và xã hội... Chính sách tín dụng xanh đã góp phần quan trọng trong việc định hướng, khuyến khích tổ chức, cá nhân cân nhắc trong việc lựa chọn phương án đầu tư, công nghệ, thiết bị thân thiện với môi trường, đầu tư vào lĩnh vực BVMT. Mặc dù vậy, các ưu đãi liên quan đến chính sách tín dụng xanh được quy định rải rác ở nhiều văn bản pháp quy khác nhau, chưa đảm bảo tính tập trung thống nhất trong triển khai thực hiện (Nguyễn Viết Lợi, 2016).

Tính đến nay, chưa có một nghiên cứu tổng thể nào về nhu cầu vốn tín dụng xanh, cũng như thực trạng về hoạt động đầu tư xanh của các doanh nghiệp Việt Nam. Việc nghiên cứu tìm hiểu hiện trạng về hoạt động đầu tư xanh, những khó khăn trong tiếp cận vốn tín dụng xanh và kế hoạch/chiến lược của doanh nghiệp trong hoạt động đầu tư xanh là cần thiết cho việc thúc đẩy hiệu quả của công cụ chính sách tín dụng xanh mà Ngân hàng Nhà nước đang triển khai. Từ đó, chiến lược tăng trưởng xanh của Chính phủ sẽ được cụ thể hóa với các hàm ý chính sách từ kết quả của bài nghiên cứu này.

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu của bài viết chủ yếu được thực hiện bằng phương pháp phân tích tại bàn, phương pháp chuyên gia và phương pháp điều tra khảo sát. Phương pháp phân tích tại bàn được sử dụng trong nghiên cứu tổng quan nhằm tổng hợp các nghiên cứu trong và ngoài nước về thực trạng và kết quả đầu tư xanh cũng như khả năng tiếp cận vốn tín dụng xanh của doanh nghiệp nói chung. Số liệu thứ cấp về tài chính xanh không có khả năng thu thập được vì trên thực tế Ngân hàng Nhà nước mới có Thông tư khuyến khích các ngân hàng thương mại cung cấp tín dụng xanh, chưa có số liệu thống kê chính thức của một cơ quan quản lý nhà nước nào về hoạt động cung cấp tín dụng xanh và tiếp cận tài chính xanh của các doanh nghiệp. Do vậy, nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp thu thập số liệu sơ cấp thông qua bảng hỏi gửi đến các đối tượng nghiên cứu.

Trên cơ sở 5 cấp độ về dịch vụ ngân hàng xanh (Kacufer, 2010), nhóm nghiên cứu đã xây dựng bộ câu hỏi nhằm đánh giá nhu cầu về dịch vụ tài chính xanh mà các ngân hàng cung cấp cho doanh nghiệp. Phương pháp điều tra khảo sát được sử dụng nhằm đánh giá thực trạng hoạt động tài chính xanh và nhu cầu vốn tín dụng xanh của doanh nghiệp. Mẫu nghiên

cứu bao gồm 150 doanh nghiệp đang là khách hàng của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Hơn 85% các doanh nghiệp được khảo sát là các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs), là đối tượng có thể dễ dàng hấp thụ các nguồn vốn tín dụng xanh (Fortune & cộng sự, 2015; Leonidas & cộng sự, 2013; Linas & cộng sự, 2012) ở các ngành nghề kinh doanh khác nhau: sản xuất, thương mại, vật liệu xây dựng và du lịch, dịch vụ.

Nội dung khảo sát đối với các doanh nghiệp trong mẫu nghiên cứu được tập trung vào các vấn đề: (1) Sự hiểu biết của doanh nghiệp về tài chính xanh; (2) Thực trạng vay vốn tín dụng xanh của các doanh nghiệp; (3) Kế hoạch/chiến lược của các doanh nghiệp về hoạt động đầu tư xanh. Mặc dù quy mô mẫu nghiên cứu là một hạn chế nhưng kết quả nghiên cứu vẫn phản ánh một cách khá tập trung, rõ nét và bước đầu là căn cứ cho việc định hướng xây dựng một số hàm ý chính sách cụ thể nhằm thực hiện thành công chiến lược tăng trưởng xanh của quốc gia.

4. Phân tích kết quả khảo sát và bàn luận

4.1. Kết quả về sự hiểu biết ngân hàng xanh, tín dụng xanh, đầu tư xanh của các doanh nghiệp Việt Nam

Kết quả khảo sát kiến thức về ngân hàng xanh và các lĩnh vực hoạt động của đầu tư xanh đã cho thấy các doanh nghiệp Việt Nam trong mẫu khảo sát đều có kiến thức khá cơ bản, với các mức điểm đánh giá sự hiểu biết và đồng tình của các doanh nghiệp với các khái niệm nêu ra đều trên trung bình (điểm "đồng ý" trung bình là 3.0).

Trên cơ sở hiểu biết cơ bản về ngân hàng xanh, các doanh nghiệp khảo sát còn cho biết các lĩnh vực nào họ cần vay vốn từ ngân hàng xanh. Điều này được thể hiện thông qua việc cho điểm mức độ đồng tình của doanh nghiệp với các lĩnh vực vay vốn này.

Kết quả về sự hiểu biết cơ bản của các doanh nghiệp Việt Nam trong mẫu nghiên cứu có thể coi là một tín hiệu tốt cho việc triển khai các hoạt động có liên quan đến tăng trưởng xanh. Các kiến thức và thông tin chuyên sâu hơn cần được tiếp tục phân tích và làm rõ khi các hoạt động triển khai cụ thể được thực hiện. Hàm ý về hiểu biết cơ bản của doanh nghiệp chỉ là các kiến thức nền tảng chung và mang tính khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp trong chiến lược tăng trưởng xanh.

4.2. Kết quả về hoạt động tín dụng xanh của các doanh nghiệp khảo sát

Bảng 1: Lĩnh vực cần vay vốn từ ngân hàng xanh

	Theo Anh/chị lĩnh vực nào sau đây cần vay vốn từ Ngân hàng xanh	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý một phần	Đồng ý	Đồng ý ở mức độ cao	Đồng ý ở mức độ rất cao	Kết quả
a	Tiết kiệm và sử dụng năng lượng hiệu quả	1	2	3	4	5	3.697
b	Năng lượng tái tạo	1	2	3	4	5	3.646
c	Kiểm soát ô nhiễm môi trường	1	2	3	4	5	3.626
d	Biến đổi khí hậu	1	2	3	4	5	3.705
e	Dự trữ đa dạng sinh học	1	2	3	4	5	3.491
f	Khác (Công nghệ sạch, xử lý rác thải môi trường,...)	1	2	3	4	5	3.571

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả

4.2.1. Kết quả thực trạng vay vốn tín dụng xanh của mẫu doanh nghiệp khảo sát

Mặc dù có những kiến thức hiểu biết nhất định về dự án xanh và tín dụng xanh nhưng kết quả điều tra cho thấy, có đến 66% doanh nghiệp chưa từng đề xuất vay vốn ngân hàng cho các dự án xanh. Trong khi đó, nhu cầu vay vốn tín dụng ngân hàng của các doanh nghiệp Việt Nam là rất lớn (50% số doanh nghiệp khảo sát đánh giá tỷ lệ sử dụng vốn vay ngân hàng trung bình để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh là trên 51%), 19% số doanh nghiệp có nhu cầu vay tỷ lệ vốn thấp dưới 30% để phục vụ sản xuất kinh doanh.

Như vậy, có thể nói vốn vay ngân hàng vẫn là nguồn vốn chủ đạo trong đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam, tuy nhiên nhu cầu vốn tín dụng xanh lại thấp. Vậy câu hỏi đặt ra là tại sao các doanh nghiệp lại không đề xuất vay vốn tín dụng xanh? liệu có những rào cản nào còn cản trở trong quá trình thực hiện hay không?

4.2.2. Kết quả khảo sát những rào cản trong tiếp cận vốn tín dụng xanh của doanh nghiệp

Thực trạng tỷ lệ tiếp cận vốn tín dụng xanh thấp trong khi nhu cầu vay vốn ngân hàng của các doanh nghiệp luôn ở mức cao đã đặt ra câu hỏi về các vấn đề khó khăn của doanh nghiệp trong tiếp cận vốn tín dụng xanh.

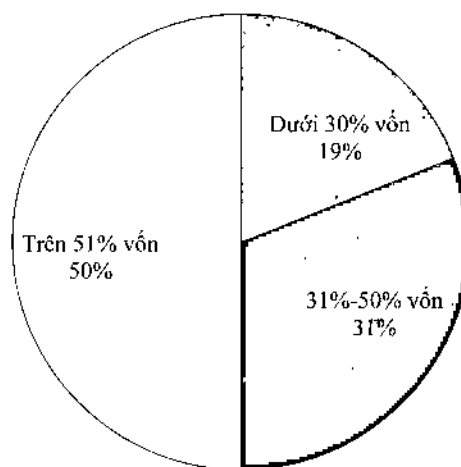
Kết quả cho thấy tất cả các yếu tố được hỏi đều là

khó khăn và rào cản của doanh nghiệp, mặc dù mức độ của từng yếu tố là khác nhau nhưng sự khác biệt giữa các yếu tố không nhiều. Vì vậy, tất cả các yếu tố nêu trên đều cần được xem xét nếu muốn phát triển và gia tăng vốn tín dụng xanh cho các doanh nghiệp.

Mặc dù sự khác biệt trong điểm đánh giá của các yếu tố không thực sự lớn, nhưng việc phân loại thứ tự ưu tiên của các yếu tố cũng cần thiết, nhằm xác định được những công việc cần làm ngay trước mắt. Các yếu tố được các doanh nghiệp cho điểm đánh giá cao nhất là:

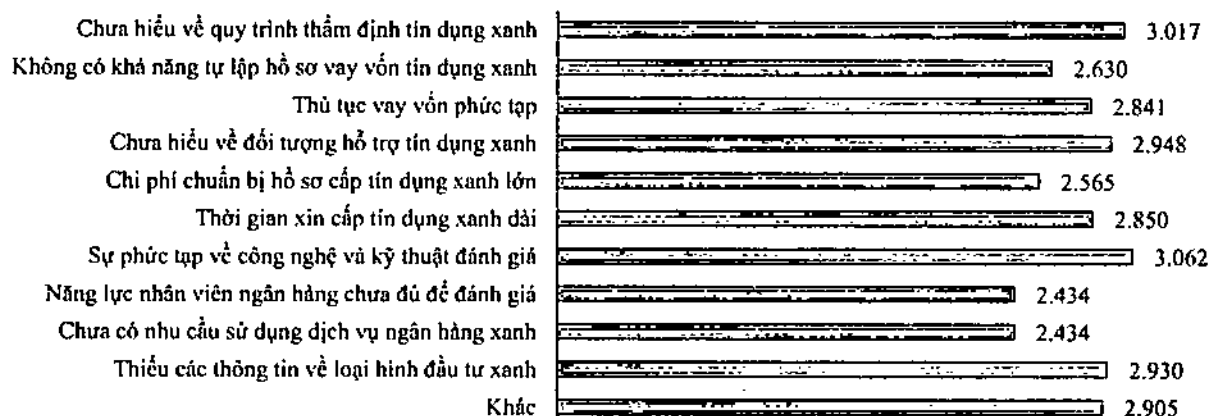
(1) Sự thiếu thông tin về quy trình thẩm định vốn tín

Hình 1: Tỷ lệ vốn vay ngân hàng trung bình để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp



Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả

Hình 2: Kết quả khảo sát đánh giá về các khó khăn trong tiếp cận vốn tín dụng xanh của doanh nghiệp



Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả

dụng xanh; (2) Sự thiếu thông tin về các loại hình đầu tư xanh; (3) Sự thiếu thông tin về các đối tượng được hỗ trợ vốn tín dụng xanh; (4) Sự phức tạp trong đánh giá dự án xanh, đầu tư xanh. Những yếu tố này đều cho thấy một hàm ý về việc cần tăng cường thông tin và tuyên truyền đầy đủ thông tin đến các doanh nghiệp về vốn tín dụng xanh.

4.3. Kết quả về kế hoạch/chiến lược của doanh nghiệp trong các dự án xanh, đầu tư xanh

Một dấu hiệu khả quan đối với triển vọng hoạt động đầu tư xanh của các doanh nghiệp Việt Nam khi có 63% các doanh nghiệp trong mẫu khảo sát trả lời có kế hoạch/chiến lược đầu tư xanh trong tương lai. Điều này sẽ có ý nghĩa rất lớn trong việc thực

Bảng 2: Kết quả đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đầu tư xanh đến khả năng sinh lời của doanh nghiệp

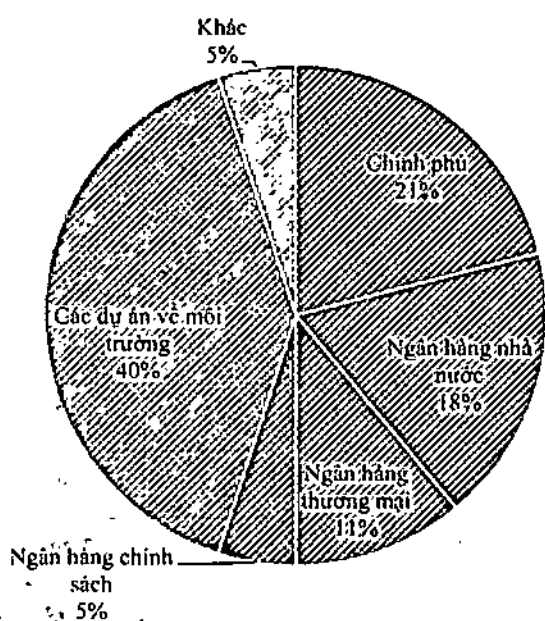
	Ảnh hưởng	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý một phần	Đồng ý	Đồng ý ở mức độ cao	Đồng ý ở mức độ rất cao	Kết quả
Trong ngắn hạn							
a	Không ảnh hưởng	1	2	3	4	5	2.58
b	Ảnh hưởng tiêu cực	1	2	3	4	5	1.85
c	Ảnh hưởng tích cực	1	2	3	4	5	2.91
d	Không biết	1	2	3	4	5	2.04
Trong dài hạn							
e	Không ảnh hưởng	1	2	3	4	5	2.811
f	Ảnh hưởng tiêu cực	1	2	3	4	5	1.56
G	Ảnh hưởng tích cực	1	2	3	4	5	3.16
h	Không biết	1	2	3	4	5	2.02

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả

hiện chiến lược tăng trưởng xanh của Chính phủ. Kết quả khảo sát cho thấy, các lĩnh vực đầu tư xanh được quan tâm nhất của các doanh nghiệp khảo sát là xử lý chất thải, khí thải, rác thải và tiết kiệm năng lượng. Đây cũng chính là những lĩnh vực đầu tư xanh khả thi và dễ đầu tư trong điều kiện chi phí đầu tư cho các hoạt động đầu tư xanh cao và năng lực về nguồn vốn của các doanh nghiệp Việt Nam còn hạn chế. Từ đó, các hàm ý chính sách về mức độ ưu tiên trong các lĩnh vực đầu tư xanh cần hướng đến các hoạt động đầu tư xanh có thể giải quyết các vấn đề trước mắt, cấp bách của các doanh nghiệp cũng như của môi trường xã hội.

Một đánh giá quan trọng khác, cần thiết cho việc ra quyết định đầu tư xanh của các doanh nghiệp, là sự tác động của các hoạt động đầu tư xanh đến khả năng sinh lời, hay lợi nhuận của doanh nghiệp. Thông thường, các hoạt động đầu tư xanh có chi phí đầu tư cao, do vậy, lợi nhuận của doanh nghiệp có thể bị ảnh hưởng xấu trong ngắn hạn. Với các doanh nghiệp có chiến lược phát triển bền vững với các hoạt động đầu tư xanh, khả năng sinh lời của doanh nghiệp có thể được khôi phục và duy trì trong trung và dài hạn. Khi số lượng các hoạt động đầu tư xanh ở Việt Nam còn chưa nhiều, việc đánh giá định lượng ảnh hưởng của hoạt động đầu tư xanh đến kết quả hoạt động của doanh nghiệp khá khó khăn. Chính vì

Hình 3: Kết quả khảo sát về các nguồn thông tin mà doanh nghiệp được biết liên quan đến hoạt động tài chính xanh



Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả

vậy, việc đánh giá chỉ mang tính chất định tính dựa trên các doanh nghiệp có kế hoạch/chiến lược đầu tư xanh trong tương lai.

Kết quả khảo sát doanh nghiệp cho thấy: Trong ngắn hạn và dài hạn, câu trả lời đồng ý với “ảnh hưởng tích cực” và “không ảnh hưởng” đều cao, điều này được xem là một dấu hiệu tốt cho sự sẵn sàng của các doanh nghiệp trong hoạt động đầu tư xanh.

Mặc dù trong thực tế, một số lĩnh vực đầu tư xanh đòi hỏi chi phí đầu tư để kiểm soát chất lượng môi trường hoặc sử dụng năng lượng tái tạo là khá cao. Tuy nhiên, các doanh nghiệp lựa chọn hoạt động đầu tư xanh trong đó sử dụng năng lượng hiệu quả và sản xuất sạch có thể giúp tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất, cắt giảm chi phí, tăng lợi nhuận, tăng khả năng cạnh tranh, tạo dựng hình ảnh cho doanh nghiệp. Đây có thể là những đánh giá ban đầu của các doanh nghiệp khi xây dựng chiến lược đầu tư xanh trong hoạt động kinh doanh. 87% các doanh nghiệp trong mẫu nghiên cứu đã khẳng định về việc triển khai các dự án đầu tư xanh trong chiến lược phát triển trung, dài hạn của doanh nghiệp. Điều này có thể giúp khẳng định hoạt động đầu tư xanh là xu thế tất yếu được lựa chọn của các doanh nghiệp Việt Nam trong thời gian tới.

5. Hàm ý chính sách và kết luận

5.1. Hàm ý chính sách về thông tin liên quan đến tăng trưởng xanh nói chung, các hoạt động tín dụng xanh, đầu tư xanh nói riêng

Từ kết quả nghiên cứu cho thấy có đến 72% doanh nghiệp không biết đến các thông tin, chính sách liên quan đến các khoản cho vay xanh của Việt Nam. Đây là một con số đáng quan tâm cho các nhà quản lý trong việc phát triển hoạt động đầu tư xanh và tín dụng xanh cho các doanh nghiệp Việt Nam. Trong đó, 31% các doanh nghiệp vẫn còn chưa biết cách thu thập thông tin về các quy định này, đây là con số khá cao thể hiện phần nào sự hạn chế trong khai thác nguồn thông tin từ chính sách, quy định của Nhà nước và quốc tế về phát triển bền vững.

Trong số 28% doanh nghiệp trả lời biết các thông tin, chính sách liên quan đến các khoản cho vay xanh của Việt Nam thì phần lớn thông tin này lại được biết đến từ các dự án về môi trường (chiếm 40%). Như vậy, kênh thông tin của Chính phủ và hệ thống ngân hàng còn rất mờ nhạt, chỉ từ 18% đến 21% trong khi đây là kênh dẫn vốn rất quan trọng cho doanh nghiệp. Từ đó cho thấy, cần phải phát huy

tích cực hơn nữa vai trò của Chính phủ và hệ thống ngân hàng trong việc cung cấp thông tin đến doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, việc nâng cao nhận thức của lãnh đạo doanh nghiệp về tài chính xanh cũng cần được cụ thể hóa trong các chương trình đào tạo ngắn hạn, các chương trình đào tạo dài hạn về tăng trưởng xanh nói chung và tài chính ngân hàng xanh ở Việt Nam. Hiện tại, một số tổ chức quốc tế đang phối hợp với một số trường đại học thực hiện các chương trình đào tạo về tài chính xanh, như IFC – Tổ chức tài chính quốc tế kết hợp với Trường Đại học Kinh tế, Đại học quốc gia Hà Nội cung cấp các khóa đào tạo ngắn hạn về thẩm định môi trường các dự án vay vốn của ngân hàng, UNDP phối hợp với Trường Đại học Kinh tế quốc dân đào tạo về tăng trưởng xanh... Rõ ràng, vai trò của các trường đại học, viện nghiên cứu cần được khẳng định và làm rõ trong chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh nói chung và đào tạo về tài chính xanh nói riêng.

5.2. Hàm ý về các lĩnh vực ưu tiên trong hoạt động tín dụng xanh ở Việt Nam

Kết quả khảo sát đưa đến hàm ý chính sách cho chiến lược tăng trưởng xanh nói chung và giải pháp thúc đẩy tín dụng xanh, tài chính xanh nói riêng. Hai lĩnh vực cần sự tập trung vốn tín dụng xanh là xử lý chất thải và đầu tư hiệu quả cho năng lượng, các sản phẩm tái chế với mức điểm cao nhất trên 3.5. Tại Việt Nam, các lĩnh vực khác như năng lượng tái tạo (địa nhiệt, lọc hóa dầu,...) còn gặp nhiều hạn chế về

cơ sở hạ tầng công nghệ và trình độ chuyên gia, do vậy, việc xác định các lĩnh vực ưu tiên và khả thi trong giai đoạn trước mắt là cần thiết.

5.3. Hàm ý về hoạt động của các ngân hàng thương mại trong việc triển khai vốn tín dụng xanh ở Việt Nam

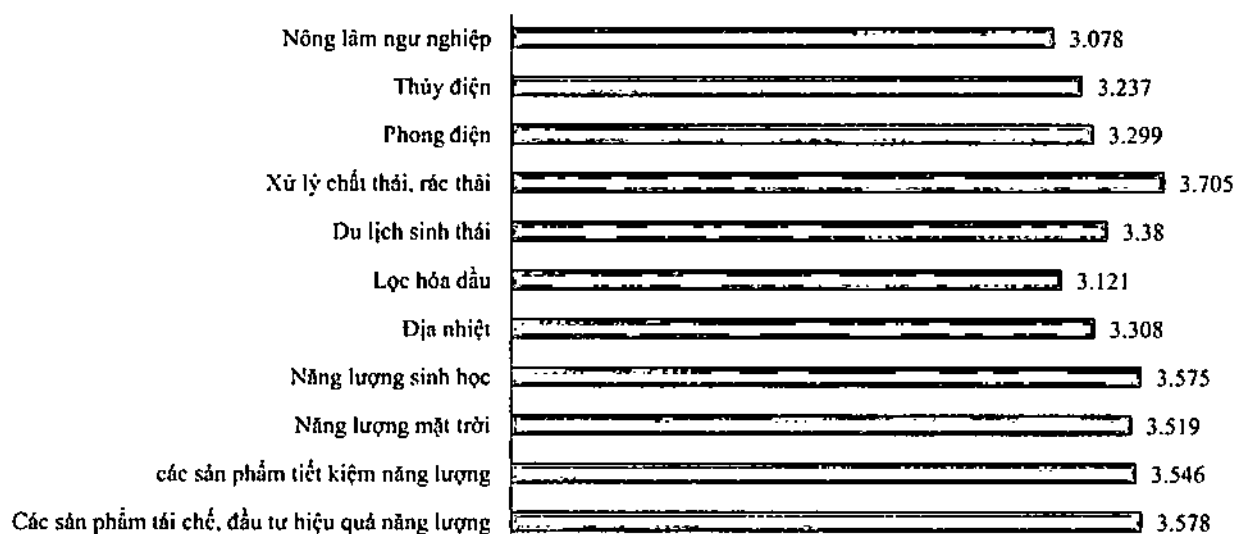
Kết quả 94% số ý kiến cho rằng ngân hàng nên có đánh giá rủi ro môi trường xã hội cho các khoản tín dụng xanh. Thực tế thời gian qua các ngân hàng thương mại Việt Nam còn nhiều hạn chế trong việc đánh giá cấp tín dụng cho các dự án liên quan đến khai thác và sử dụng nguồn năng lượng mới mặc dù các ngân hàng đã có hệ thống quản lý rủi ro môi trường xã hội.

Kết quả khảo sát tập trung vào yêu cầu các hỗ trợ của Nhà nước về chính sách tín dụng. Như vậy, có thể thấy, doanh nghiệp và nhà đầu tư mong muốn có những cái cách và thúc đẩy hiệu quả chính sách tín dụng xanh. Trong giai đoạn đầu thúc đẩy tài chính xanh, sự hỗ trợ của Chính phủ vẫn được xem là một công cụ nhanh nhất, khả thi và dễ triển khai trong giai đoạn đầu chuyển đổi từ nền kinh tế nâu sang nền kinh tế xanh.

6. Kết luận

Với hai khía cạnh chính của hoạt động tài chính xanh là hoạt động đầu tư xanh của doanh nghiệp và hoạt động tiếp cận vốn tín dụng xanh, nghiên cứu đã đánh giá thực trạng thông qua thu thập số liệu thứ cấp từ điều tra khảo sát đối với các doanh nghiệp

Hình 4: Kết quả khảo sát về các lĩnh vực cần đầu tư vốn tín dụng xanh



Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả

đang là khách hàng của các ngân hàng thương mại. Mặc dù mẫu nghiên cứu còn hạn chế, các kết quả phân tích cũng khá rõ ràng và lập trung, đã cung cấp các bằng chứng có ý nghĩa khoa học bước đầu đưa ra các hàm ý chính sách giúp cho việc xây dựng chính sách hỗ trợ hoạt động tài chính xanh nói riêng của các doanh nghiệp Việt Nam, cũng như chiến lược tăng trưởng xanh nói chung của toàn nền kinh

tế. Kết quả nghiên cứu này cũng phù hợp với kinh nghiệm thành công trong việc triển khai tài chính xanh, khi mà Chính phủ đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ, xây dựng chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xanh và ngân hàng cung cấp các dịch vụ tài chính xanh như ở Bangladesh, Ấn độ, Anh và Mỹ.

Lời thừa nhận/cảm ơn: Các tác giả xin chân thành cảm ơn Quỹ phát triển nghiên cứu khoa học công nghệ cơ bản quốc gia (NAFOSTED) đã tài trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu “*Vai trò của ngân hàng xanh trong chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế - kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam*”. Bài báo này là một phần kết quả nghiên cứu của Đề tài trên.

Tài liệu tham khảo

- Caniato, F., Caridi, M., Crippa, L. & Moretto, A. (2012), ‘Environmental sustainability in fashion supply chains: An exploratory case based research’, *International Journal of Production Economics*, 135(2), 659-670.
- Fortune, G., Collins, C.N. & Cosmas, A. (2015), ‘The role of corporate green investment practices on sustainable development’, *Environmental Economic*, 6(1), 33-44.
- Höhne, N., Khosla, S., Fekete, H. & Gilbert, A. (2012), ‘Mapping of Green Finance, Delivered by IDFC Members in 2011’, *Ecofys*, 7-11.
- Kaeufer, K. (2010), ‘Banking as a Vehicle for Socio-economic Development and Change: Case Studies of Socially Responsible and Green Banks’, Master thesis, Cambridge, Massachusetts, USA.
- Leonidas, C.L., Constantinou, N.L., Thomas, A.F. & Athina, Z. (2013), ‘Resources and capabilities as drivers of hotel environmental marketing strategy: Implications for competitive advantage and performance’, *Tourism Management*, 35(1), 94-110.
- Linac, C., Rugilè, B. & Agnè, D. (2014), ‘Green business: Challenges and practices’, *Ekonomika*, 93(1), 74-88.
- Zadek, S. & Flynn, K., (2013), ‘South-Originating Green Finance: Exploring the Potential’, *The Geneva International Finance Dialogues, UNEP FI, SDC and iisd*, 2-9.
- Ngân hàng Nhà nước (2015), *Chỉ thị số 03/CT-Ngân hàng Nhà nước “Thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng”*, ban hành ngày 24 tháng 3 năm 2015.
- Nguyễn Việt Lợi (2016), *Chính sách tài chính hỗ trợ tăng trưởng xanh ở Việt Nam và định hướng giải pháp*, truy cập lần cuối ngày 6 tháng 1 năm 2017, từ <http://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/tbtt/r/m/thd/thd_chitiet.jsessionid=QyMYYNqTv6hQf01WCQqj9W5nJ7cl6nWHwY1MgnrX6N1CJnwx206!419641140!-1370405463?dDocName=MOF150679&dID=80239&_afLoop=39700838161072770#!%40%40%3FdID%3D80239%26_afrLoop%3D39700838161072770%26dDocName%3DMOF150679%26_adf.ctrl-state%3D1a83qujvpi_4>.
- Vũ Xuân Nguyệt Hồng (2014), ‘Chính sách tăng trưởng xanh ở Việt Nam, nội dung chính sách và thách thức thực hiện’, Kỷ yếu hội thảo quốc tế “*Hiệu quả chính sách công trong bối cảnh toàn cầu hóa: đánh giá tác động chính sách phát triển của Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế*”, Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, ngày 13 tháng 11.